

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị P Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 976/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Xuân P; ĐKKHKT: Đường N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Đường M, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Đào Thị Tuyết N; nơi cư trú: Đường D, phường D1, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 19 tháng 11 năm 2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đào Xuân P trình bày: Anh và chị Đào Thị Tuyết N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/4/2012. Quá trình vợ chồng chung sống Ny từ thời gian đầu đã phát sinh nhiều

mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không phù hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2013 anh P đã vào Sài Gòn sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đào Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Đào Xuân P kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng N thời gian đầu đã không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2013 anh P vào Sài Gòn sinh sống và hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay anh P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết ly hôn đối với chị, chị N xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa, anh P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh P giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết cho anh được ly hôn với chị N, cũng như những quan điểm về con chung và tài sản chung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn; bị đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Đào Xuân P và chị Đào Thị Tuyết N được ly hôn; về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Bị đơn là chị Đào Thị Tuyết N hiện cư trú tại số 57/92 Dân Lập, phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đào Xuân P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[3] Về hôn nhân: Anh Đào Xuân P, sinh năm 1970 và chị Đào Thị Tuyết N, sinh năm 1971 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/4/2012. Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N là hợp pháp.

[4] Quá trình vợ chồng chung sống cho đến nay cả hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người được ly hôn. Qua xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị N kéo dài nhiều năm, hai bên đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị N trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, bởi vậy yêu cầu của anh P xin được ly hôn với chị N là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Anh P và chị N cùng xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản: Anh P và chị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Xuân P và chị Đào Thị Tuyết N.

- Về án phí: Anh Đào Xuân P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được tình trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0005198 ngày 08 tháng 12 năm 2021. Anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân (để thi hành);
- UBND phường An Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị P Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị P Lan

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân (để thi hành);
- UBND phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 03/3/1993);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị P Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị P Lan

